PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/2014/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2014 của phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) có sử dụng vốn nhà nước để thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước (sau đây gọi tắt là nhà cung cấp dịch vụ).

Điều 2. Lựa chọn hình thức triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Danh mục hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước:

a) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước bao gồm: Hệ thống thư điện tử; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống phần mềm nghiệp vụ; hệ thống họp, hội nghị truyền hình trực tuyến; hệ thống quản lý thông tin tổng thể; hệ thống trao đổi thông tin, văn bản qua mạng; hoạt động cập nhật, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin khác được sử dụng trong phạm vi cơ quan nhà nước;

b) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp bao gồm: Ứng dụng một cửa điện tử; cổng, trang thông tin điện tử; hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến; hệ thống quản lý, giám sát, vận hành cơ sở hạ tầng; hệ thống truy vấn, hỏi đáp, chăm sóc khách hàng qua mạng; các hoạt động, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác phục vụ người dân và doanh nghiệp;

c) Hoạt động liên quan đến hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin như cung cấp trang thiết bị kỹ thuật, máy chủ, máy trạm, thiết bị ngoại vi; cung cấp hạ tầng, thiết bị kết nối, mạng nội bộ, mạng diện rộng, kết nối Internet, truy cập tới các hệ thống dịch vụ công; cung cấp hệ thống cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu, hệ thống điện toán đám mây;

d) Hoạt động khảo sát, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, nâng cấp, đào tạo, chuyển giao, tư vấn về công nghệ thông tin; triển khai, quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp hệ thống, kết nối liên thông các hệ thống thông tin;

đ) Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin như cung cấp hệ thống, thiết bị, giải pháp an toàn thông tin; cung cấp giải pháp chống truy cập trái phép, tường lửa; phòng và chống vi rút, phần mềm gián điệp, phá hoại; hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát an toàn thông tin; hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố an toàn thông tin;

e) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin khác.

2. Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện thực tế, huy động được tối đa nguồn lực và đầu tư của doanh nghiệp, xã hội cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin và thuyết minh tính hiệu quả giữa việc thuê dịch vụ so với đầu tư, xây dựng, vận hành ứng dụng công nghệ thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định lựa chọn hình thức thuê dịch vụ hoặc đầu tư, mua sắm, xây dựng để thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này, trong đó ưu tiên lựa chọn hình thức thuê dịch vụ.

Điều 3. Thẩm quyền trong việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định hoặc ủy quyền quyết định cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc (sau đây gọi chung là Người có thẩm quyền) việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin dùng vốn ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này quyết định đơn vị chủ trì ký kết hợp đồng và tổ chức triển khai, thực hiện việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Chủ trì thuê dịch vụ).

Điều 4. Nguyên tắc thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Nâng cao hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp khả thi, tiếp tục khai thác tối đa hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm, phần cứng, thông tin, dữ liệu đã có.

Xem xét áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung trong phạm vi của Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng.

2. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các thông tin, dữ liệu, mã nguồn của phần mềm đặt hàng riêng nói trên và các công cụ cần thiết khi kết thúc hợp đồng để bảo đảm cơ quan nhà nước vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi nhà cung cấp dịch vụ.

3. Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong mỗi bộ, ngành, tỉnh, thành phố và trên toàn quốc.

4. Bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác) tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

Trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo quy định của điều ước đó.

Điều 5. Nguyên tắc phân bổ và sử dụng kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Kinh phí cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước được lấy từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác.

2. Đối với trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, kinh phí cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin là kinh phí được giao để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan nhà nước. Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện việc lập kế hoạch theo hướng dẫn tại Điều 7 của Quyết định này và Luật Ngân sách nhà nước.

3. Đối với trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển, chủ trì thuê dịch vụ lập dự án theo hướng dẫn tại Điều 7 của Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công.

Chương II
LẬP, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH, DỰ ÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 6. Lập Dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Nội dung dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm:

a) Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Được xác định trên cơ sở số gói dịch vụ cần thuê, quy mô, phạm vi sử dụng của từng dịch vụ, đơn giá thuê dịch vụ trung bình trên thị trường. Việc lập dự toán và xác định giá gói dịch vụ được thực hiện căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

- Giá cung cấp dịch vụ của ít nhất 3 đơn vị cung cấp khác nhau. Trong trường hợp không có đủ 3 đơn vị cung cấp dịch vụ thì xin ý kiến thẩm định giá của cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá;

- Kết quả thẩm định giá (nếu có) của cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

- Giá thị trường tại thời điểm lập dự toán được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp dịch vụ công bố trên mạng Internet;

- Giá gói dịch vụ tương tự trong thời gian trước đó gần nhất.

b) Chi phí đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp để thuê, dịch vụ công nghệ thông tin;

c) Chi phí quản lý thực hiện kế hoạch, dự án thuê dịch vụ;

d) Chi phí tư vấn bao gồm: Tư vấn lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ; tư vấn đấu thầu (nếu có); tư vấn giám sát thực hiện và các chi phí tư vấn khác (nếu có);

đ) Chi phí khác bao gồm các chi phí liên quan đến việc thuê chưa quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này, được xác định bằng lấy báo giá theo thị trường, hoặc lập dự toán hoặc trên cơ sở tham khảo định mức chi phí tỷ lệ;

e) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng các chi phí quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này. Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính trên cơ sở độ dài thời gian thuê, sử dụng dịch vụ.

2. Điều chỉnh dự toán

a) Các trường hợp điều chỉnh dự toán:

- Trường hợp có yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê làm tăng giá thuê dịch vụ;

- Do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đề xuất trong trường hợp trượt giá dịch vụ;

- Khi có nhà cung cấp khác đề xuất mức giá cung cấp thấp hơn từ 10% trở lên cho cùng loại dịch vụ với chất lượng tương đương;

- Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác và có tác động trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ;

- Khi chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp thẩm quyền điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, quy mô, mục tiêu của kế hoạch, dự án thuê dịch vụ.

b) Thẩm quyền điều chỉnh dự toán:

- Chủ trì thuê dịch vụ tổ chức lập dự toán điều chỉnh để trình Người có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt. Trường hợp thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt dự toán đã được phê duyệt, kể cả chi phí dự phòng thì Chủ trì thuê dịch vụ được tự tổ chức điều chỉnh dự toán các hạng mục của kế hoạch, dự án;

- Tùy điều kiện cụ thể của kế hoạch, dự án, Chủ trì thuê dịch vụ có thể tự lập dự toán điều chỉnh hoặc thuê các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để lập dự toán điều chỉnh;

- Nội dung dự toán điều chỉnh được Chủ trì thuê dịch vụ hoặc Người có thẩm quyền quyết định thuê dịch vụ quyết định là một phần của Kế hoạch hoặc của Dự án thuê dịch vụ.

Điều 7. Lập và phê duyệt kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trình lên Người có thẩm quyền để xem xét, phê duyệt.

2. Căn cứ lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý;

b) Thuyết minh về mục đích, yêu cầu và nhu cầu thuê dịch vụ;

c) Nguồn vốn (hạn mức ngân sách dự kiến).

3. Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: Thuyết minh kế hoạch và Dự toán.

a) Nội dung phần thuyết minh kế hoạch:

- Hiện trạng, sự cần thiết và mục tiêu thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Xác định Chủ trì thuê dịch vụ; các hạng mục chính cần thuê dịch vụ; quy mô, phạm vi, khung thời gian thuê dịch vụ và các mốc thời gian chính thực hiện; địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ;

- Phân chia các gói thầu, gói dịch vụ (sau đây gọi chung là gói thầu), nội dung của từng gói thầu và thời gian thuê dịch vụ. Đối với các dịch vụ công nghệ thông tin cần sử dụng thường xuyên, thời gian thuê dịch vụ phải đủ dài (tối thiểu 3 đến 5 năm), nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ, phương án, cách thức, điều kiện cung cấp dịch vụ; làm rõ việc thuê phần mềm và việc sở hữu các thông tin, dữ liệu; phân tích về các thông tin, dữ liệu, phần mềm, tài sản hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê;

- Xác định yêu cầu về năng lực chuyên môn, tài chính, điều kiện kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm và các yêu cầu khác đối với nhà cung cấp dịch vụ; yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu; các yêu cầu khác để bảo đảm các nguyên tắc về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

b) Dự toán: Dự toán được lập căn cứ theo các nội dung của kế hoạch, các hạng mục, gói thầu trong kế hoạch và quy định lập dự toán tại Điều 6 Quyết định này.

4. Dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: Báo cáo dự án; Tổng dự toán và Báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có).

a) Nội dung Báo cáo dự án:

Báo cáo dự án bao gồm các nội dung như quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, ngoài ra cần có thêm các nội dung sau:

- Kết quả điều tra, khảo sát, phân tích hiện trạng và yêu cầu thực tế;

- Thiết kế mô hình triển khai cung cấp, sử dụng dịch vụ; xác định yêu cầu, điều kiện, hạ tầng để sẵn sàng thuê dịch vụ: Điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, kỹ thuật, công nghệ, phòng, chống cháy, nổ, bảo đảm an toàn thông tin, an toàn vận hành, an ninh, quốc phòng; quy trình nghiệp vụ để thuê dịch vụ;

- Khái toán tổng vốn của dự án (cho cả khung thời gian thuê dịch vụ của dự án), xác định nguồn vốn để thực hiện dự án, phân tích nhu cầu kinh phí theo tiến độ và khả năng tài chính. Phương án hoàn trả vốn (đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn);

- Xác định hình thức quản lý, giám sát, triển khai thực hiện dự án; mối quan hệ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Tổng dự toán dự án: Tổng dự toán dự án được lập căn cứ theo các nội dung của dự án, các hạng mục, gói thầu trong dự án và quy định lập dự toán tại Điều 6 Quyết định này.

5. Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin quyết định việc thẩm định nội dung kế hoạch, dự án, hoặc lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan chuyên môn đồng cấp làm căn cứ phê duyệt kế hoạch, dự án.

Điều 8. Bố trí ngân sách thuê dịch vụ công nghệ thông tin

Căn cứ kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trì thuê dịch vụ hoặc các cơ quan, đơn vị dự toán lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Lựa chọn nhà cung cấp và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước

Việc lựa chọn nhà cung cấp và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định tại Quyết định này, quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan.

Với những nội dung chưa có quy định cụ thể tại Quyết định này hoặc trong pháp luật về đấu thầu, thì được áp dụng theo "Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công dùng ngân sách nhà nước" hoặc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mua sắm tài sản.

Điều 10. Hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin

1. Hợp đồng được thực hiện bằng văn bản.

2. Nội dung hợp đồng theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng, về đấu thầu, phù hợp với hồ sơ mời thầu, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và yêu cầu chi tiết về dịch vụ công nghệ thông tin được thuê bao gồm:

a) Quy mô, phạm vi, khung thời gian, giá hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

b) Thông số kỹ thuật đầu ra của dịch vụ công nghệ thông tin; tiêu chuẩn chất lượng và các chỉ tiêu, yêu cầu đối với dịch vụ; các yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác mà nhà cung cấp dịch vụ phải đáp ứng;

c) Quy định về hình thức, phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ; hình thức giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng;

d) Yêu cầu và quy trình chuyển giao dữ liệu, tài sản phát sinh trong quá trình thuê dịch vụ cho bên thuê hoặc cho nhà cung cấp dịch vụ khác theo yêu cầu của bên thuê khi hết thời hạn hợp đồng;

đ) Yêu cầu về an toàn bảo mật, an ninh thông tin; bảo vệ thông tin của người sử dụng dịch vụ và các yêu cầu khác liên quan đến việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

e) Xác định rõ các dịch vụ có thu phí người sử dụng hoặc có thương mại hóa cơ sở dữ liệu phát sinh từ việc ứng dụng công nghệ thông tin theo hợp đồng (nếu có), các thỏa thuận về nguyên tắc phân chia lợi nhuận, chi phí liên quan giữa các bên;

g) Quyền và nghĩa vụ của từng bên ký kết hợp đồng; thời gian và nguyên tắc thanh toán, quyết toán hợp đồng; các nội dung khác theo thỏa thuận giữa các bên ký kết;

h) Điều kiện, cơ chế, trường hợp được điều chỉnh giá thuê dịch vụ phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Điều 11. Giám sát, đánh giá hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước chịu sự giám sát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ về mặt chuyên môn, xác định mức độ đạt được so với yêu cầu của bên thuê, do cơ quan chuyên môn có thẩm quyền tiến hành, hoặc yêu cầu báo cáo, nhằm bảo đảm việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin đạt hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, chương trình và kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chịu sự giám sát, đánh giá định kỳ về kết quả sử dụng ngân sách được cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ phải được Chủ trì thuê dịch vụ lập và gửi tới các cơ quan có thẩm quyền về quản lý nguồn vốn như sau:

- Báo cáo 6 tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm kế hoạch;

- Báo cáo năm, chậm nhất là vào ngày 31 tháng 01 của năm sau;

- Báo cáo kết thúc, chậm nhất 3 tháng sau khi dịch vụ kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Người có thẩm quyền quyết định việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ trì thuê dịch vụ có trách nhiệm tổ chức lập và triển khai kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin, bao gồm tổ chức lập và trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự án, tổ chức lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ, ký kết, quản lý, giám sát thực hiện hợp đồng, sử dụng dịch vụ có hiệu quả và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tích cực triển khai thuê dịch vụ trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành, tác nghiệp chuyên môn, cung cấp dịch vụ công trong cơ quan nhà nước. Ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực thuộc;

b) Tổng hợp nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển trung hạn 5 năm, hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Công khai rộng rãi trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình các nội dung thông tin về kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

d) Phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thí điểm về Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn triển khai, giám sát tình hình thực hiện Quyết định này;

b) Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả đánh giá hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước sau 01 năm triển khai và định kỳ các năm tiếp theo; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp nhu cầu và dự kiến vốn chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định để giao các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển cho các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo kỳ kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định để giao các Bộ ngành, địa phương thực hiện;

b) Bảo đảm phân bổ đủ kinh phí để thuê dịch vụ suốt thời hạn của gói thầu cung cấp dịch vụ theo hợp đồng nhằm bảo đảm hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước được ổn định, liên tục, hiệu quả.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện thí điểm, nếu có những vấn đề phát sinh cần xử lý khác với các quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng